

Số: 43 /QĐ-HĐTV

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty Khánh Việt

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UB ngày 13/11/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Phương án chuyển đổi và chuyển Tổng Công ty Khánh Việt thành Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Việt;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-UB ngày 29/7/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh tên gọi của Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Việt thành Tổng Công ty Khánh Việt;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Khánh Việt đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt theo Quyết định số 2932/QĐ-UB ngày 12/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty Khánh Việt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng để thực hiện việc giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp từ năm tài chính 2013 trở đi.

Điều 3. Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khánh Việt; Thành viên Hội đồng thành viên/ Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc/ Giám đốc các công ty trách nhiệm



hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu; Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư tại doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TV HĐQT, KSV TCT;
- Các Phòng ban TCT, Ban Kiểm soát nội bộ TCT;
- Các công ty TNHH MTV do TCT là CSH;
- Các công ty có cổ phần, vốn góp của TCT;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Tường Anh



QUY CHẾ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT LÀ CHỦ SỞ HỮU VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-HĐTV ngày 28/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty Khánh Việt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty Khánh Việt là chủ sở hữu (sau đây viết tắt là công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu).

2. Doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây viết tắt là doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty).

3. Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư tại doanh nghiệp.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác với Quy chế này thì áp dụng theo pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. Giám sát tài chính là việc theo dõi, kiểm tra, thanh tra, đánh giá các vấn đề về tài chính, chấp hành chính sách pháp luật về tài chính của doanh nghiệp.

2. Báo cáo giám sát tài chính là báo cáo phân tích, đánh giá, cảnh báo các vấn đề về tài chính của từng doanh nghiệp do Tổng Công ty Khánh Việt (chủ thể giám sát) lập.

3. Báo cáo kết quả giám sát tài chính là báo cáo tổng hợp kết quả công tác giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây viết tắt là Tổng Công ty) do Tổng Công ty lập.

4. Tiêu chí đánh giá là hệ thống các chỉ tiêu, chuẩn mực dùng để xác định hiệu quả hoạt động và phân loại doanh nghiệp một cách toàn diện, khách quan.



5. Cơ quan quản lý nhà nước về tài chính là Bộ Tài chính, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp).
6. Giám sát gián tiếp là việc theo dõi và kiểm tra tình hình của doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính, thống kê và báo cáo khác theo quy định của pháp luật và của Tổng Công ty.
7. Giám sát trực tiếp là việc kiểm tra, thanh tra trực tiếp tại doanh nghiệp.
8. Giám sát trước là việc xem xét, kiểm tra tính khả thi các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, dự án đầu tư, phương án huy động vốn và các dự án phương án khác của doanh nghiệp.
9. Giám sát trong là việc theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch, dự án của doanh nghiệp, việc chấp hành các quy định của pháp luật, của Tổng Công ty trong suốt quá trình triển khai kế hoạch, dự án.
10. Giám sát sau là việc kiểm tra kết quả hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở các báo cáo định kỳ, kết quả chấp hành quy định của Tổng Công ty hoặc điều lệ doanh nghiệp, việc tuân thủ các quy định của pháp luật.
11. Viên chức quản lý doanh nghiệp là Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (không bao gồm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo Hợp đồng lao động).
12. Giám sát tài chính đặc biệt là quy trình giám sát đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn về tài chính cần phải được các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo dõi và chấn chỉnh.
13. Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng Công ty Khánh Việt đầu tư tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Người đại diện) là cá nhân được Tổng Công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Tổng Công ty tại doanh nghiệp.
14. “Báo cáo không đúng thực tế về tài chính, làm sai lệch lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp” là việc doanh nghiệp báo cáo kết quả kinh doanh lãi hoặc hòa vốn trong khi thực chất bị lỗ.
15. “Doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn về tài chính” là doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy chế này.
16. Ban Kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Khánh Việt là đầu mối giám sát và tổng hợp giám sát, giúp Tổng Công ty Khánh Việt thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu và các doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty.

Phần II GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Chương 1
GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT ĐỐI VỚI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DO TỔNG CÔNG TY LÀ CHỦ
SỞ HỮU

Điều 4. Nội dung giám sát

1. Tổng công ty thực hiện giám sát các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu theo nội dung sau:

1.1. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng Công ty tại doanh nghiệp theo các nội dung sau:

a) Hoạt động đầu tư tài sản tại doanh nghiệp (bao gồm danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn huy động gắn với dự án đầu tư).

b) Việc huy động vốn và sử dụng vốn huy động; phát hành trái phiếu.

c) Việc quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

1.2. Giám sát bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

1.3. Giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo các nội dung sau:

a) Hoạt động sản xuất, tiêu thụ, tồn kho sản phẩm; doanh thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính; thu nhập khác.

b) Kết quả hoạt động kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA).

c) Phân tích về lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.

d) Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

đ) Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

1.4. Giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp, trong đó có các nội dung về chi phí tiền lương, thu nhập của người lao động, người quản lý điều hành doanh nghiệp (Thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

2. Để thực hiện nội dung giám sát quy định tại Khoản 1 Điều này, các công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty là chủ sở hữu phải lập báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Báo cáo đánh giá tình hình tài chính) theo các biểu của Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy chế này và các quy định sau:

2.1. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng Công ty tại doanh nghiệp

a) Tình hình đầu tư tài sản: doanh nghiệp lập Biểu 01- Mẫu số 01 và đánh giá phân tích các vấn đề sau:

- Đối với các dự án thuộc nhóm A và nhóm B: nêu tổng mức đầu tư và nguồn vốn huy động để đầu tư của từng dự án; đánh giá về tiến độ thực hiện dự án so với kế hoạch; tiến độ giải ngân dự án so với kế hoạch; các vấn đề phát sinh

liên quan đến sử dụng đất đai, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thu hồi giấy phép đầu tư và các quy định khác về quản lý đầu tư; các điều chỉnh về mục tiêu, quy mô vốn, tiến độ và chủ đầu tư trong kỳ của các dự án đầu tư.

- Đối với các dự án còn lại: nêu tổng mức đầu tư và nguồn vốn huy động để đầu tư dự án; thời gian hoàn thành dự án; tiến độ thực hiện dự án so với kế hoạch; vướng mắc, tồn tại (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Đối với các dự án đầu tư đã đưa vào sử dụng trong kỳ báo cáo cần đánh giá hiệu quả mang lại.

- Kiến nghị và đề xuất của doanh nghiệp.

Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp.

b) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: doanh nghiệp phân tích đánh giá các vấn đề sau:

- Tổng số vốn đã huy động trong kỳ báo cáo và lũy kế đến kỳ báo cáo, trong đó: phát hành trái phiếu, vay của các tổ chức tín dụng, vay của cá nhân.

- Tình hình sử dụng vốn huy động, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi hoạt động sản xuất kinh doanh, chi mục đích khác.

- Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại từ việc sử dụng vốn đã huy động.

c) Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả: doanh nghiệp phân tích, đánh giá các vấn đề sau:

- Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ có phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Tổng Công ty không; tình hình trích khấu hao tài sản; tình hình thanh lý, nhượng bán tài sản; tình hình xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất.

- Tình hình công nợ phải thu đến kỳ báo cáo: tổng số nợ phải thu trong đó công nợ phải thu khó đòi, tình hình trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi, tình hình xử lý công nợ khó đòi trong kỳ báo cáo. Doanh nghiệp phải phân tích chi tiết theo từng khoản công nợ phải thu khó đòi.

- Tình hình công nợ phải trả đến kỳ báo cáo: tổng số nợ phải trả trong đó nợ đến hạn, nợ quá hạn, khả năng thanh toán nợ, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu. Doanh nghiệp phải phân tích chi tiết theo từng khoản công nợ phải trả quá hạn.

2.2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn: doanh nghiệp lập theo Biểu 06-Mẫu số 01.

a) Việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật *(Tại thời điểm ban hành Quy chế này, việc đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn*

